

**TẬP ĐOÀN
HOÁ CHẤT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 882 /HCVN-VP
V/v báo cáo đánh giá về kết quả
thực hiện kế hoạch sản xuất kinh
doanh năm 2021

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam xin kính gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Bộ Kế hoạch và Đầu tư “Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021” của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (theo file đính kèm).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đảng ủy Tập đoàn (để b/c);
- HĐQT Tập đoàn (để b/c);
- KSV Tập đoàn (e-copy);
- Trung tâm TTKHKT (để công bố);
- Lưu: VT, VP.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phùng Quang Hiệp

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có)
A	B	C	1	2	3
1	Sản phẩm Sản xuất chủ yếu				
	Quặng Apatit các loại	tấn	1.635.000	1.727.792	
	Supe lân	tấn	585.000	546.585	
	Lân nung chảy	tấn	318.000	347.807	
	Phân Đạm Urê	tấn	631.751	730.840	
	Phân Diamino phosphate	tấn	486.000	472.556	
	Phân Hỗn hợp NPK	tấn	1.364.355	1.448.250	
	Thuốc sát trùng	tấn	6.676	6.113	
	Xút Thương phẩm (NaOH)	tấn	60.735	63.931	
	Axit HCL Thương phẩm	tấn	89.900	89.718	
	Lốp xe máy	1000 ch	5.780	4.816	
	Lốp Ô tô các loại	Chiếc	2.878.000	3.629.946	
	Ắc quy các loại	kwh	2.350.371	2.182.446	
	Chất tẩy rửa	tấn	276.100	254.217	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.162,40	2.065,03	49.901,42
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-950,83	289,62	3.956,56
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-950,83	289,62	3.517,42
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	3,00	3,20	2.991,18
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động (NQL và NLD)	Người	156	155	19.194
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	34,382	44,107	2.793,230
	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	3,156	3,787	44,414
	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	31,226	40,320	2.748,816

(*) Lưu ý: Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh:

2.1 Thuận lợi

- Thị trường phân bón thế giới trong năm 2021 đã có những biến động lớn, sản xuất và kinh doanh phân bón đã xảy ra tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng nguyên liệu đầu vào, đứt gãy chuỗi logistics. Trong khi nhu cầu tại các khu vực như châu Phi, Đông Nam Á, Ấn Độ tăng, đẩy giá phân bón trong năm 2021 liên tục tăng cao tại tất cả các thị trường. Thị trường phân bón Việt Nam đã điều tiết theo thị trường thế giới nên giá các loại phân bón trong nước cũng tăng theo giá thế giới giúp cho việc tiêu thụ phân bón năm 2021 nhiều thuận lợi.

- Giá nguyên liệu tăng cao, thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu và tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp dẫn đến các doanh nghiệp sản xuất phân bón NPK nhỏ lẻ trong nước khó khăn trong việc duy trì sản xuất. Do vậy, các đơn vị sản xuất phân bón NPK của Tập đoàn đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Các doanh nghiệp sản xuất lốp xe ô tô của Tập đoàn xuất khẩu sang Mỹ không bị áp thuế chống bán phá giá là điều kiện thuận lợi để xuất khẩu sản phẩm.

2.2 Khó khăn

- Đại dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến rất phức tạp làm gián đoạn vận chuyển đường biển, hạn chế giao thương giữa các nước và khu vực. Tình trạng đứt gãy chuỗi vận chuyển logistics như thiếu container toàn cầu, hãng tàu bỏ chuyến... khiến cho việc xuất khẩu sản phẩm của các đơn vị gặp rất nhiều khó khăn, hàng hóa sản xuất ra không vận chuyển được đến nơi tiêu thụ, không xuất khẩu được. Một số quốc gia, khu vực... bị phong tỏa, cách ly vì dịch Covid-19 nên việc vận chuyển, bốc dỡ, tiêu thụ hàng hóa xuất nhập khẩu của các đơn vị trong Tập đoàn bị ảnh hưởng rõ rệt.

- Làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng tư năm 2021 với quy mô lớn, mức độ lây lan nhanh, diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, đặc biệt là tại các địa phương phía Nam tập trung các khu công nghiệp lớn gây khó khăn cho công tác phòng, chống dịch; ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và sinh hoạt của nhân dân cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị trong Tập đoàn.

- Luật số 71/2014/QH13 tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực, tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng và gây bất lợi cho phân bón sản xuất trong nước so với phân bón nhập khẩu.

- Khó khăn về nguyên vật liệu, chi phí sản xuất:

+ Năm 2021, giá nguyên liệu thế giới và trong nước vẫn ở mức cao: lưu huỳnh (nguyên liệu sản xuất axit sunphuric, phân supe, phân DAP) tăng 110%; amoniac (nguyên liệu sản xuất phân DAP) tăng 107%; cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, vải màn, than đen (nguyên liệu sản xuất sản phẩm cao su) tăng lần lượt 30%, 30% và 60%; muối công nghiệp (nguyên liệu sản xuất xút và sản phẩm clo) tăng 35%, cước đường biển tăng 8-10 lần... so với thời điểm cuối năm 2020 đã làm tăng giá thành sản phẩm.

+ Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam không đủ quỹ loại 3 để đưa vào tuyển do quỹ loại 3 tại các kho lưu được quy hoạch sử dụng cho các nhà máy tuyển của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền giao cho quản lý và sử dụng. Bắt đầu từ giữa quý III các đơn vị sản xuất phân bón DAP, phân supe lân như Công ty CP DAP- Vinachem, Công ty CP DAP số 2- Vinachem, Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao đã bị thiếu quỹ apatit tuyển dẫn đến phải giảm sản lượng sản xuất, thiếu nguồn cung phân bón cho thị trường.

+ 03 đơn vị sản xuất phân bón thuộc Đề án 1468 tiếp tục gặp khó khăn khi chi phí tài chính cho vốn vay lưu động và khoản vay đầu tư ngày càng chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm do phát sinh lãi phạt tính cho các khoản chậm trả.

II. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2021, Công ty mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam không triển khai đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ nhóm B trở lên (theo phân loại của Luật Đầu tư công).

III. Tình hình đầu tư tại các Công ty con

006
ĐOÀ
CH
NA
M-T

DVT: Tỷ đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của Công ty mẹ	Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tổng nợ phải trả
I	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ	4.493,33	4.307,07	14.152,79	7.379,90	314,10	243,44	180,64	604,86	15.746,39
1	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	1.814,22	1.814,22	3.078,08	3.318,03	371,50	300,84	180,64	585,63	1.008,10
2	Công ty TNHH MTV Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	179,11	179,11	2.257,10	-	-	-	-	-	568,86
3	Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	2.500,00	2.313,74	8.817,61	4.061,87	57,40	57,40	-	19,24	14.169,43
II	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	12.836,19	8.717,52	36.994,37	44.162,19	1.848,13	1.479,47	274,47	2.373,71	28.095,98
1	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	2.722,00	2.658,31	8.029,26	4.539,13	0,63	0,63	-	83,47	10.006,79
2	Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	293,50	288,10	480,51	315,05	4,58	3,58	-	51,66	177,80
3	Công ty Cổ phần DAP Vinachem	1.461,10	935,10	1.852,47	2.896,22	190,92	190,92	-	98,33	397,41
4	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	442,00	287,31	1.455,84	1.589,37	272,86	218,05	28,73	147,53	296,13
5	Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	1.500,00	802,50	3.974,45	2.590,26	126,30	126,30	-	3,00	5.522,42
6	Công ty CP Phân bón Miền Nam	478,97	311,59	1.428,50	2.126,54	43,04	36,60	7,79	31,58	844,84
7	Công ty CP Phân lân Nung chảy Văn Điển	376,65	252,57	666,61	842,51	35,01	27,98	13,89	18,00	203,30
8	Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	1.128,56	787,92	2.295,10	2.816,80	85,32	67,02	-	34,99	962,63
9	Công ty CP Bột giặt LIX	324,00	165,24	1.167,64	2.618,19	211,02	167,37	16,52	117,02	418,54
10	Công ty CP Pin - Ac quy Miền Nam	464,72	238,98	2.479,65	3.135,43	222,41	173,83	11,95	752,10	1.612,32

HÀNG

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của Công ty mẹ	Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tổng nợ phải trả
11	Công ty CP Phân Lân Ninh Bình	157,31	80,23	238,91	560,44	17,11	13,59	4,81	6,06	52,74
12	Công ty CP Hóa chất Việt Trì	109,88	75,27	516,05	831,26	85,51	68,39	7,53	46,58	232,34
13	Công ty CP Công nghiệp Cao su Miền Nam	1.036,27	528,56	4.153,31	4.871,32	55,19	42,02	26,43	641,68	2.896,01
14	Công ty CP Cao su Đà Nẵng	1.187,93	599,99	3.135,94	4.416,75	364,12	290,83	90,00	219,49	1.362,01
15	Công ty CP Phân bón Bình Điền	571,68	371,59	3.854,08	7.753,25	371,23	296,76	55,74	71,63	2.492,11
16	Công ty CP Ác quy Tia Sáng	67,46	34,40	102,59	180,78	5,36	4,60	1,72	9,25	23,25
17	Công ty CP Xà Phòng Hà Nội	129,73	103,78	181,17	52,12	14,72	14,72	-	0,00	2,38
18	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	139,84	71,32	509,42	1.470,88	4,54	3,70	-	14,09	452,85
19	Công ty CP Thuốc Sát trùng Việt Nam	244,61	124,75	472,84	555,89	20,28	14,64	9,36	27,24	140,10